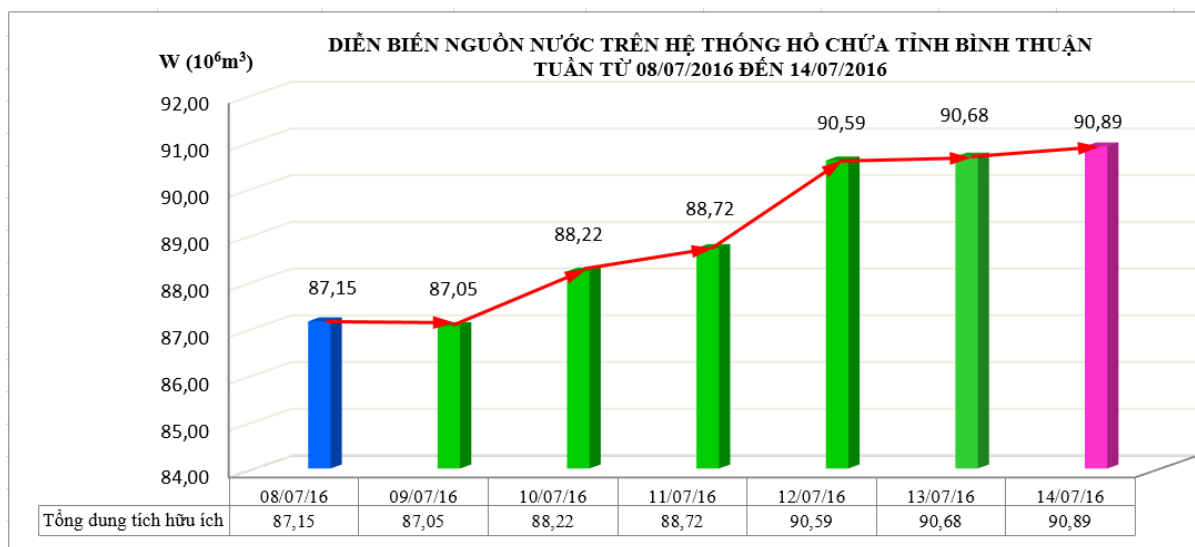


BẢN TIN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN LƯU VỰC
SÔNG LỮY - LA NGÀ TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2016
(Tuần từ 15/07/2016 đến 21/07/2016)

1. KIỂM KÊ THỰC TRẠNG NGUỒN NƯỚC TRÊN HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH BÌNH THUẬN

1.1. Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập từ ngày 08/07 – 14/07/2016

Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi tỉnh Bình Thuận từ ngày 08/07/2016 đến 14/07/2016 được trình bày tại Hình 1. Trong tuần vừa qua, trên địa bàn tỉnh, một số ngày tiếp tục có mưa nên đã có nguồn nước bổ sung cho các hồ, đập. Tổng dung tích các hồ có xu hướng tăng so với đầu tuần, mức tăng bình quân là 0,62 triệu m^3 /ngày, tổng lượng tăng là 3,75 triệu m^3 .



Hình 1: Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập tỉnh Bình Thuận từ 08/07-14/07/2016

1.2. Kiểm kê thực trạng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 14/07/2016

1.2.1. Nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi.

Tính đến ngày 14/07/2016 tổng dung tích của 16 hồ, đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận là 90,89 triệu m^3 , đạt 41,97 % so với tổng dung tích hữu ích thiết kế. Vì tuần qua trên địa bàn tỉnh, lượng mưa ít và phân bố không đều nên còn 1 hồ cạn nước là: hồ Đá Bạc (9,2% dung tích hữu ích thiết kế); 5 hồ lượng nước tích còn ít (ít hơn 30% dung tích hữu

ích thiết kế) gồm: hồ Lòng Sông (28,41%), hồ Sông Khán (19,23%), hồ Sông Móng (18,09%), hồ Núi Đất (18,77%), hồ Phan Dũng (21,82%).

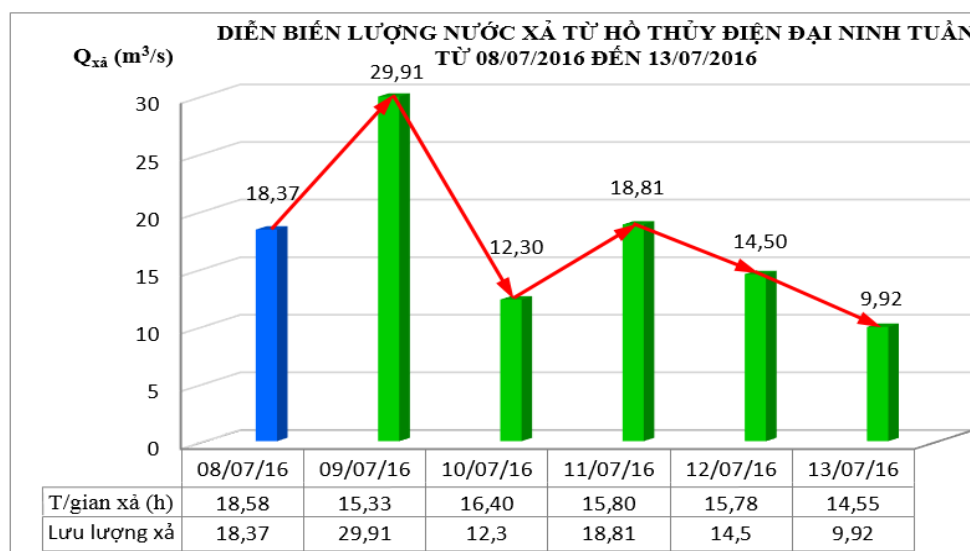
Bảng 1: Tổng hợp dung tích các hồ, đập tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 14/07/2016

STT	Tên các Hồ chứa	DUNG TÍCH (10^6 m^3)						Tỷ lệ dung tích hữu ích hiện tại so với thiết kế
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích thiết kế	Hữu ích hiện tại	
1	Đá Bạc	0,804	4,87	9,718	0,392	4,478	0,412	9,20%
2	Lòng Sông	13,038	37,16	40,271	3,464	33,696	9,574	28,41%
3	Cà Giấy	32,631	36,921	63,209	8,409	28,512	24,222	84,96%
4	Sông Khán	0,598	2,014	2,52	0,261	1,753	0,337	19,23%
5	Sông Quao	33,694	73	80	5,7	67,3	27,994	41,60%
6	Suối Đá	4,291	9,131	12,786	1,273	7,858	3,018	38,41%
7	Cầm Hạng	0,809	1,18	1,215	0,013	1,167	0,796	68,21%
8	Sông Móng	9,167	37,156	51,515	2,985	34,171	6,182	18,09%
9	Ba Bàu	6,340	6,938	11,403	0,964	5,974	5,376	90,00%
10	Đu Đủ	2,033	3,664	5,217	0,297	3,367	1,736	51,56%
11	Tân Lập	1,120	1,07	1,52	0,07	1	1,050	104,95%
12	Tà Mon	0,377	0,657	0,72	0,05	0,607	0,327	53,85%
13	Núi Đất	2,049	8,466	9,648	0,566	7,9	1,483	18,77%
14	Trà Tân	3,977	3,888	8,333	0,403	3,485	3,574	102,56%
15	Sông Phan	2,269	3,022	3,579	0,172	2,85	2,097	73,60%
16	Phan Dũng	3,947	13,674	18,925	1,233	12,441	2,714	21,82%
Tổng Cộng		117,144	242,811	320,579	26,252	216,559	90,892	41,97%

Ghi chú: ▲ ▼ ■ Thể hiện dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với đầu tuần (ngày 08/07/2016)

1.2.2. Nguồn nước thủy điện

Đến ngày 14/07/2016, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Đại Ninh là 21,93 triệu m^3 /251,7 triệu m^3 , đạt 8,71 % so với dung tích hữu ích thiết kế, giảm 5,84 triệu m^3 so với đầu tuần (ngày 08/07/2016).



Hình 2: Diễn biến lượng nước xả từ hồ Thủy điện Đại Ninh từ ngày 08/07/2016 đến 13/07/2016

Tính đến ngày 14/07/2016, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Hàm Thuận là 108,5 triệu m^3 / 522,5 triệu m^3 , đạt 20,77% so với dung tích hữu ích thiết kế, tăng 5,28 triệu m^3 so với đầu tuần (ngày 08/07/2016).

Bảng 2: Dung tích hồ chứa thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận tính đến ngày 14/07/2016

Stt	Tên Các Hồ Chứa	DUNG TÍCH (10^6 m^3)						Tỷ lệ dung tích tích hiện tại
		Hiện Tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích Thiết kế	Hữu ích Hiện tại	
1	<u>Đại Ninh</u>	89,972	319,770	549,820	68,040	251,730	21,932	8,71%
2	<u>Hàm Thuận</u>	281,231	695,230	976,650	172,730	522,500	108,501	20,77%
Tổng Cộng		371,204	1.015,000	1,526,470	240,770	774,230	130,434	16,85%

2. DỰ BÁO TÌNH HÌNH MƯA VÀ NGUỒN NƯỚC

2.1. Tài liệu dự báo

Tài liệu mưa ngày, khí tượng, thủy văn của các trạm chính trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (Trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân, Cà Ná) từ năm 1978-2015.

Tài liệu dự báo mưa, bốc hơi tại trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân.

Tài liệu diện tích sản xuất thực tế và kế hoạch sản xuất của tỉnh Bình Thuận năm 2016. Lịch thời vụ các loại cây trồng.

Quy trình vận hành và quan hệ đặc tính lòng hồ F~Z~W của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận và các hồ thủy điện Đại Ninh, Hàm Thuận – Đa Mi.

Lượng xả dự kiến của các hồ thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

2.2. Công cụ dự báo

Trong dự báo này sử dụng 2 mô hình chính là : mô hình thủy văn MIKE NAM và mô hình cân bằng nước MIKE BASIN đã được hiệu chỉnh và kiểm định.

- Sử dụng mô hình NAM để tính toán dòng chảy mặt trên các lưu vực sông.
- Sử dụng mô hình MIKE BASIN để tính toán khả năng nguồn nước các lưu vực sông tỉnh Bình Thuận theo không gian và thời gian.

2.3. Dự báo tình hình khí tượng, thủy văn khu vực tỉnh Bình Thuận

Dự báo KTTV tháng 07/2016	Dự báo KTTV tuần 2 tháng 07/2016
a. <u>Khí tượng:</u> - Dự báo lượng mưa tháng 7/2016 đạt xấp xỉ và có nơi cao hơn TBNN, một số nơi dưới TBNN - CTK. Cụ thể các khu vực như sau: Đức Linh, Tánh Linh và vùng núi Hàm Thuận Bắc (Đông Giang) phổ biến: 350-450mm, với 20-22 ngày mưa. Khu vực trung tâm và ven biển phía nam: 150 - 200mm có nơi 200 - 300mm, với 18 - 20 ngày mưa. Khu vực phía bắc: 75 - 100mm có nơi 100 - 120mm, với 15 - 17 ngày mưa. - Tổng lượng bốc hơi: 120 - 140mm.	a. <u>Khí tượng:</u> - Dự báo lượng mưa phổ biến đạt xấp xỉ và dưới TBNN, vùng trung tâm và phía nam có nơi đạt trên TBNN – CTK, cụ thể: Khu vực phía bắc tỉnh: 30 - 50mm; với 2 - 4 ngày mưa. Khu vực trung tâm: 50 - 75mm; với 3 - 5 ngày mưa. Khu vực phía nam: 75 - 100mm; vùng núi Tây nam: 100 - 150mm; với 5 - 7 ngày mưa. - Tổng lượng bốc hơi: 35 - 45mm.

b. Thủy văn:

Mức nước tại trạm Tà Pao và sông Lũy tại trạm Sông Lũy ít thay đổi. Đạt giá trị thấp hơn TBNN.

+ Tà Pao: $H_{tb} = 116,45\text{m}$; $H_{max} = 119,50\text{m}$; $H_{min} = 115,60\text{m}$.

+ Sông Lũy: $H_{tb} = 23,60\text{m}$; $H_{max} = 24,50\text{m}$; $H_{min} = 23,00\text{m}$.

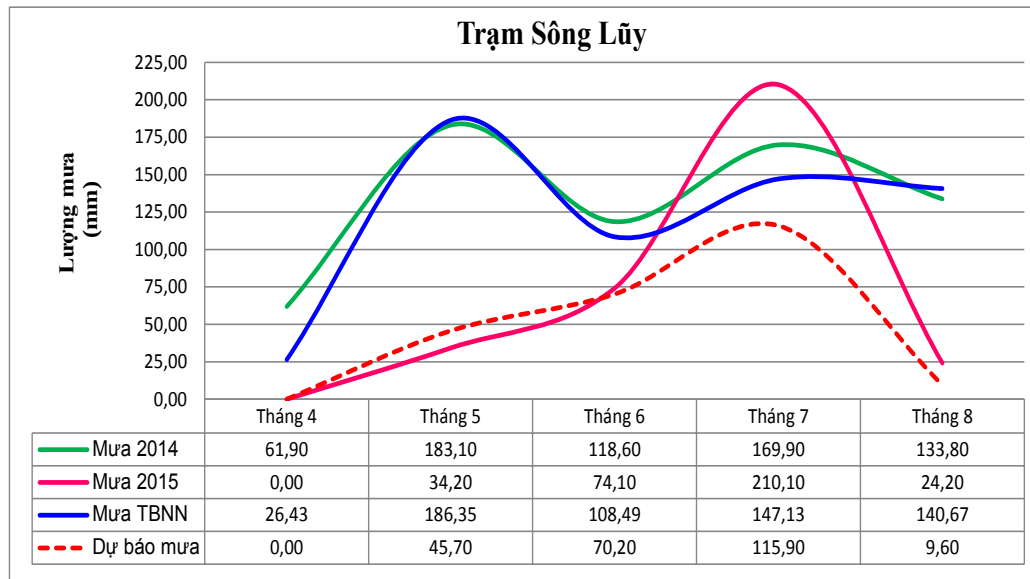
b. Thủy văn:

Mức nước tại trạm Tà Pao và tại trạm Sông Lũy ít thay đổi đến dao động nhỏ và có khả năng xảy ra lũ nhỏ. Đạt giá trị thấp hơn TBNN.

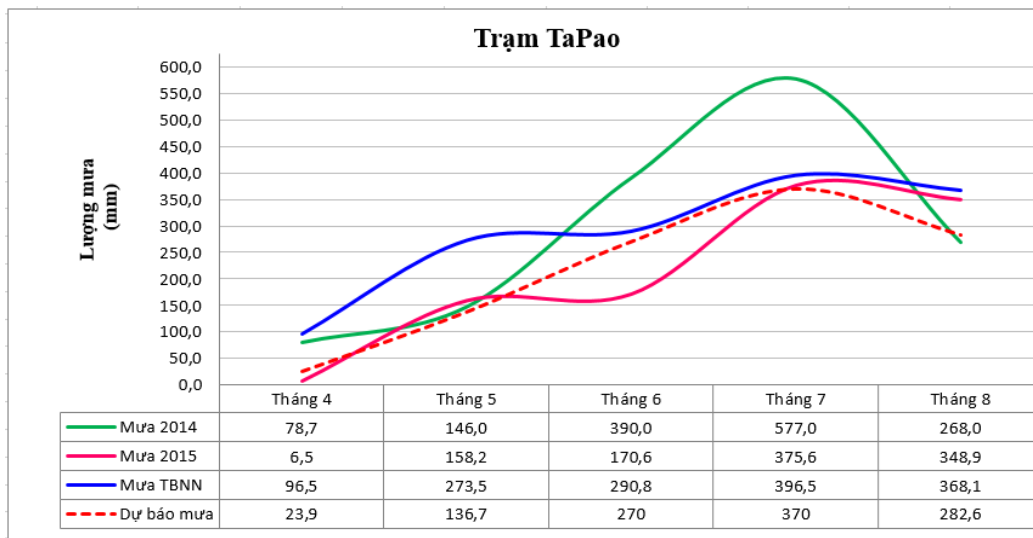
+Tà Pao: $H_{tb}=116,60\text{m}$; $H_{max} = 119,00\text{m}$; $H_{min} = 115,60\text{m}$.

+ Sông Lũy: $H_{tb} = 23,45\text{m}$; $H_{max} = 24,50\text{m}$; $H_{min} = 23,00\text{m}$

(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)



Hình 3: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa tháng 7 và tháng 8 tại trạm Sông Lũy



Hình 4: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa tháng 7 và tháng 8 tại trạm Tà Pao

2.4. Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập thủy lợi vụ Hè Thu năm 2016 tỉnh Bình Thuận.

Bảng 3: Kết quả dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Hè Thu (tháng 7 – 8) năm 2016 tỉnh Bình Thuận

TT	LV Sông/ Hồ	Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Hè Thu (10 ⁶ m ³)		
		Tháng 7	Tháng 8	Tổng cộng (10 ⁶ m ³)
1	Hồ Đá Bạc	-	0,05	0,05
2	Hồ Phan Dũng	1,61	3,48	5,09
3	Hồ Lòng Sông	1,31	6,16	7,47
4	Đập Sông Lũy	35,57	42,72	78,29
5	Hồ Cà Giây	2,79	6,03	8,82
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn,..	21,97	31,85	53,82
7	Hồ Sông Quao	34,04	46,82	80,86
8	Hồ Suối Đá	1,02	2,2	3,22
9	Hồ Sông Khán	0,7	1,5	2,2
10	Hồ Cà Giang	0,57	0,32	0,89
11	Hồ Cẩm Hang	0,72	0,88	1,6
12	Hồ Sông Móng	3,14	7,21	10,35
13	Đập Ba Bàu	6,38	13,93	20,31
14	Hồ Đu Đù	0,91	0,83	1,74
15	Đập Sông Phan	12,86	14,73	27,59
16	Hồ Tân Lập	2,2	1,37	3,57
17	Hồ Tà Mon	0,98	3,62	4,6
18	Hồ Núi Đất	0,98	3,62	4,6
19	Hồ Sông Dinh	53,73	84,29	138,02
20	Đập Cô Kiều	0,78	2,89	3,67
21	Sông La Ngà (tới đập Tà Pao)	210,63	213,01	423,64
22	Hồ Trà Tân	4,82	4,21	9,03
Tổng cộng				889,43

Dự kiến lượng nước xả tháng 7, tháng 8 (vào những năm ít nước) của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận - Đa Mi như sau :

Bảng 4: Dự kiến lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi

Thủy Điện		Tháng		Tổng (10 ⁶ m ³)
		7	8	
Đại Ninh	Lưu lượng Q _{bq} ngày(m ³ /s)	11	11	17,2
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	7	7	
Hàm Thuận-Đa Mi	Lưu lượng Q _{bq} ngày(m ³ /s)	36	36,2	96,7
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	12	12	

3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Kết quả tính toán nhu cầu nước vụ Hè Thu 2016 (từ tháng 7 đến tháng 8) được trình bày tại Bảng 5, kết quả cho thấy: Tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu năm 2016 (tháng 7 và tháng 8) là 255,8 triệu m³ (trong đó tháng cần nhiều nước nhất là tháng 7: 134 triệu m³).

Bảng 5: Bảng tổng hợp nhu cầu nước tại đầu mối các công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận theo kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu (tháng 7,8) năm 2016

Đơn vị: Triệu m³

TT	LV Sông/ Hồ	Vụ Hè Thu 2016						
		Kế hoạch diện tích sản xuất vụ Hè Thu (ha)				Nhu cầu nước vụ Hè Thu (10 ⁶ m ³)		
		Lúa	Màu (Ngô, Đậu, Lạc, Mè)	Cây CN, Nho, Thanh Long	Thủy sản	Tháng 7	Tháng 8	Tổng
Tổng cộng		37503	24573	14761,4	647,5	134,10	121,70	255,80
1	Hồ Đá Bạc	84		54	-	0,31	0,29	0,60
2	Hồ Phan Dũng	38		108	-	0,36	0,35	0,71
3	Hồ Lòng Sông	947		195	79,2	3,66	3,41	7,07
4	Đập Sông Lũy	7822	9877	294	-	37,82	40,29	78,11
5	Hồ Cà Giây	1729	2183	396	-	6,40	4,45	10,85
6	Đập Đồng Mới, Đồng Măng, Tú Sơn...	1259	1590	276	-	7,34	7,74	15,08
7	Hồ Sông Quao	6551	2918	6622,81	-	12,60	19,50	32,10
8	Hồ Suối Đá	246	112	470	-	0,31	0,44	0,75
9	Hồ Sông Khán	77	32	34	-	0,14	0,22	0,36
10	Hồ Sông Móng			178	-	-	-	-
11	Đập Ba Bàu	460		3640	-	2,17	0,87	3,04
12	Hồ Đu Đủ	61		987,67	-	0,28	0,10	0,38
13	Đập Sông Phan	1		604,8	-	0,07	0,07	0,15
14	Hồ Tân Lập			473,76	-	-	-	-
15	Hồ Tà Mon			137,4	-	-	-	-
16	Hồ Núi Đất	312		226	-	1,70	0,81	2,51
17	Hồ Sông Dinh	660		64	-	4,09	2,22	6,31
18	Đập Cô Kiều	40		-	-	0,24	0,12	0,36
19	Sông La Ngà (tới Đập Tà Pao)	17115	7861	-	568,3	56,45	40,79	97,23
20	Hồ Trà Tân	101		-	-	0,14	0,05	0,18

4. DỰ BÁO KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ HÈ THU 2016.

4.1. Dự báo nguồn nước trong các hồ/đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tuần từ 15/07/2016 đến 21/07/2016

Dự báo nguồn nước trong hệ thống các hồ đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến ngày 21/07/2016 được trình bày tại Bảng 6, kết quả cho thấy: Dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh có xu hướng tăng, tổng dung tích các hồ chứa đến ngày 21/07/2016 đạt 93,51 triệu m³ (chiếm 43,18% so với dung tích thiết kế), tăng 2,62 triệu m³ so với thời điểm hiện tại (ngày 14/07/2016).

Bảng 6: Kết quả dự báo nguồn nước trong các hồ/đập công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận đến ngày 21/07/2016

TT	Hồ chứa	Cao trình mực nước bình thường (m)	Dung tích hữu ích thiết kế ($10^6 m^3$)	Nguồn nước hiện tại - 14/7/2016			Dự kiến nguồn nước đến 21/7/2016		
				Cao trình mực nước hiện tại (m)	Dung tích hữu ích ($10^6 m^3$)	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến ngày 14/7/2016 so với thiết kế	Cao trình mực nước (m)	Dung tích hữu ích ($10^6 m^3$)	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến 21/7/2016 so với thiết kế
1	Hồ Đá Bạc	31,01	4,478	26,32	0,412	9,20%	26,03	 0,2915	6,51%
2	Hồ Lòng Sông	76,95	33,696	63,96	9,574	28,41%	63,70	 9,220	27,36%
3	Hồ Cà Giây	74,7	28,512	73,82	24,222	84,96%	73,75	 23,876	83,74%
4	Hồ Sông Khán	106,95	1,753	102,90	0,337	19,23%	103,95	 0,595	33,91%
5	Hồ Sông Quao	89	67,3	81,28	27,994	41,60%	81,75	 29,990	44,56%
6	Hồ Suối Đá	47	7,858	45,15	3,018	38,41%	45,30	 3,340	42,50%
7	Hồ Cẩm Hang	25	1,167	24,30	0,796	68,21%	24,15	 0,717	61,40%
8	Hồ Sông Móng	75,8	34,171	68,52	6,182	18,09%	69,05	 7,475	21,88%
9	Đập Ba Bàu	42	5,974	41,78	5,376	90,00%	42,00	 5,974	100,00%
10	Hồ Đu Đủ	61	3,367	59,30	1,736	51,56%	59,13	 1,602	47,57%
11	Hồ Tân Lập	44	1	44,11	1,050	104,95%	44,07	 1,032	103,15%
12	Hồ Tà Mon	46,5	0,607	45,01	0,327	53,85%	44,50	 0,248	40,77%
13	Hồ Núi Đất	23,5	7,9	19,25	1,483	18,77%	19,46	 1,697	21,48%
14	Hồ Trà Tân	95	3,485	95,03	3,574	102,56%	94,92	 3,320	95,26%
15	Đập Sông Phan	70	2,85	68,25	2,097	73,60%	67,92	 1,986	69,68%
16	Hồ Phan Dũng	206,4	12,441	200,12	2,714	21,82%	199,47	 2,153	17,30%
	Tổng		216,559		90,89	41,97%		93,51	43,18%

Ghi chú:    Dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với hiện tại

4.2. Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu 2016

Với kế hoạch sản xuất và dự báo nguồn nước vụ Hè Thu, dự báo tuần từ 15/07-31/8/2016 sẽ có:

- + 2/20 hồ/đập nguồn nước ít để bố trí diện tích tưới bao gồm: Hồ Đá Bạc (đáp ứng 85,04% nhu cầu nước nông nghiệp), hồ Núi Đất (88,61%).
- + 18/20 hồ/đập có khả năng đáp ứng đủ cho vụ Hè Thu bao gồm: Đập Sông Lũy, hồ Cà Giây, Hệ thống đập Đồng Mới..., hồ Sông Quao, hồ Suối Đá, hồ Sông Khán, hồ Sông Móng, đập Ba Bàu, hồ Đu Đủ, đập Sông Phan, hồ Tân Lập, hồ Tà Mon, hồ Sông Dinh, đập Cô kiều, Sông La Ngà (tới đập Tà Pao), hồ Trà Tân, hồ Phan Dũng, hồ Lòng Sông.

Kết quả dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu nước của các hồ chứa vụ Hè Thu 2016 được tổng hợp trong Bảng 7.

Bảng 7: Bảng tổng hợp dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu tỉnh Bình Thuận năm 2016

TT	LV Hồ, Đập	Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu					
		Lượng nước thiếu (10 ⁶ m ³)			Khả năng cấp nước tưới vụ Hè Thu 2016	Tháng thiếu nhiều nước nhất	
		Tháng 7	Tháng 8	Tổng		Tỷ lệ đáp ứng	Tháng
1	Hồ Đá Bạc	0,046	0.044	0,09	85,04%	85,04%	Tháng 7
2	Hồ Phan Dũng	0	0	0	100,00%	100,00%	
3	Hồ Lòng Sông	0	0	0	100,00%	100,00%	
4	Đập Sông Lũy	0	0	0	100,00%	100,00%	
5	Hồ Cà Giây	0	0	0	100,00%	100,00%	
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn...	0	0	0	100,00%	100,00%	
7	Hồ Sông Quao	0	0	0	100,00%	100,00%	
8	Hồ Suối Đá	0	0	0	100,00%	100,00%	
9	Hồ Sông Khán	0	0	0	100,00%	100,00%	
10	Hồ Sông Móng	0	0	0	100,00%	100,00%	
11	Đập Ba Bàu	0	0	0	100,00%	100,00%	
12	Hồ Du Đủ	0	0	0	100,00%	100,00%	
13	Đập Sông Phan	0	0	0	100,00%	100,00%	
14	Hồ Tân Lập	0	0	0	100,00%	100,00%	
15	Hồ Tà Mon	0	0	0	100,00%	100,00%	
16	Hồ Núi Đất	0,255	0,031	0,286	88,61%	85,00%	Tháng 7
17	Hồ Sông Dinh	0	0	0	100,00%	100,00%	
18	Đập Cô Kiều	0	0	0	100,00%	100,00%	
19	Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao)	0	0	0	100,00%	100,00%	
20	Hồ Trà Tân	0	0	0	100,00%	100,00%	
Tổng				0,376			

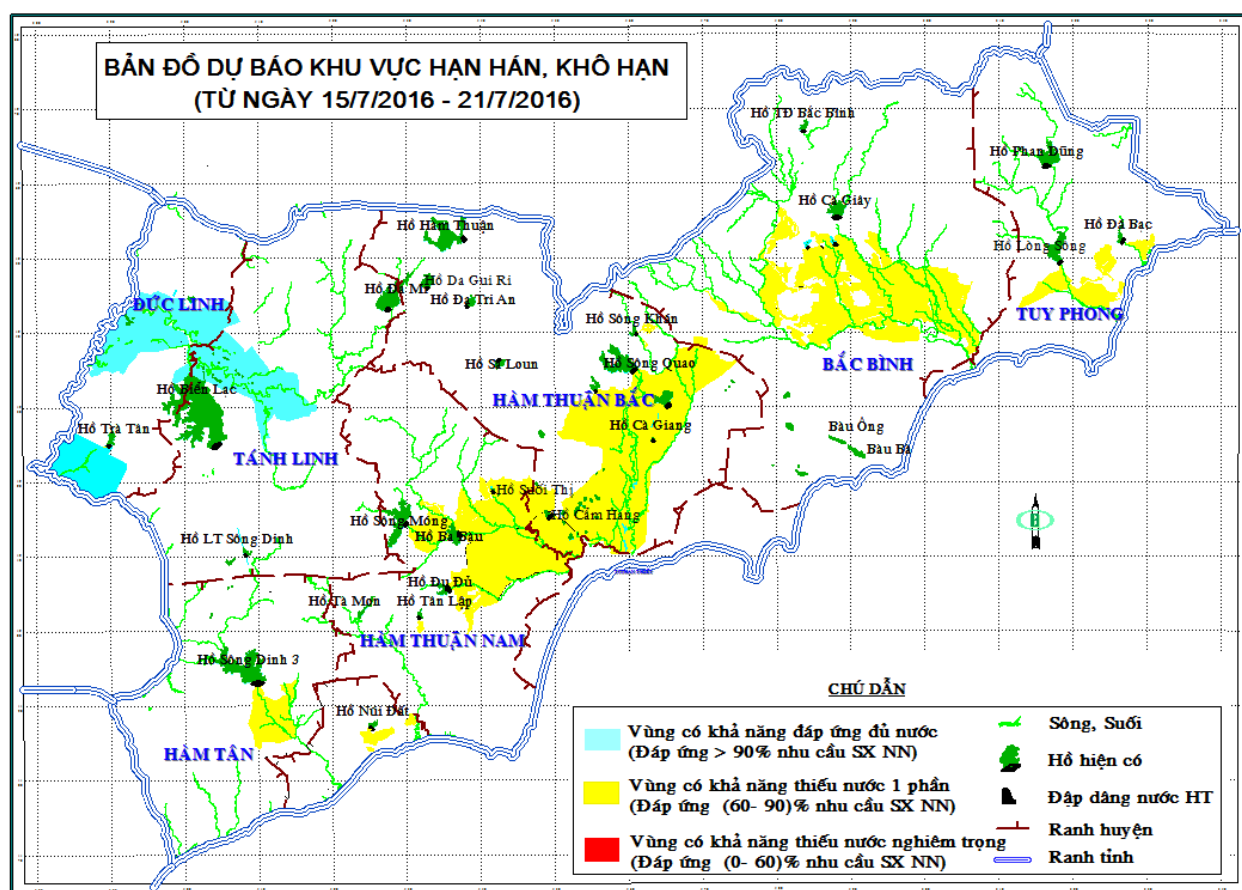
Kiến nghị:

Trên cơ sở kết quả kiểm đếm nguồn nước hiện có của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận, mưa đã xuất hiện trên diện rộng khắp toàn tỉnh tuy nhiên ngành nông nghiệp địa phương vẫn cần: Thường xuyên theo dõi lưu lượng nước xả của Thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi; Cập nhật tình hình diễn biến mưa và nguồn nước các hồ để có kế hoạch chăm sóc cây trồng hợp lý vụ Hè Thu.

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 21/7/2016 cho thấy tổng dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 93,51 triệu m³ (chiếm 43,18% so với dung tích thiết kế), do đó kiến nghị kế hoạch sử dụng nước tại một số hồ chứa thủy lợi trong tỉnh Bình Thuận đến ngày 21/7/2016 như sau:

- Hồ Lòng Sông có 9,22 triệu m³, hồ Phan Dũng có 2,15 triệu m³: nên có thể tận dụng nguồn nước có trong hồ và lượng nước mưa để cấp nước tưới cho lúa, cây trồng vụ Hè Thu;
- Hồ Đá Bạc 0,29 triệu m³ : có thể nguồn nước chỉ đáp ứng được 75,83% diện tích sản xuất nông nghiệp (thiếu nước khoảng 30ha lúa);
- Hồ Cà Giây có 23,87 triệu m³: có thể tận dụng nguồn nước thủy điện Đại Ninh,

- lượng nước trữ trong hồ cấp nước cho lúa và cây trồng vụ Hè Thu;
- Hồ Sông Quao có 29,99 triệu m³: có thể tận dụng nguồn nước có trong hồ và lượng nước mưa để cấp nước cho lúa và cây trồng vụ Hè Thu;
 - Hồ Sông Móng có 7,47 triệu m³, đập Ba Bàu có 5,97 triệu m³, hồ Tà Mon có 0,24 triệu m³, hồ Đu Đủ có 1,6 triệu m³, hồ Tân Lập có 1,03 triệu m³ nên có thể tận dụng nguồn nước trong hồ và lượng nước mưa để cấp nước cho lúa, cây trồng vụ Hè Thu;
 - Hồ sông Dinh 3 có 3,87 triệu m³: có thể tận dụng nước mưa và nước hồ để cấp nước sinh hoạt cho Thị xã La Gi, cấp nước cho lúa và cây trồng vụ Hè Thu.
 - Hồ Núi Đất có 1,69 triệu m³ : có thể nguồn nước chỉ đáp ứng được 85% diện tích sản xuất nông nghiệp (thiếu nước khoảng 56 ha lúa).
 - Nguồn nước tại Đập Tà Pao (sau nhà máy thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi) cấp đủ nước sản xuất vụ Hè Thu theo kế hoạch 2016.



Hình 5: Bản đồ dự báo các vùng/khu vực có khả năng thiếu nước một phần từ ngày 15/07/2016 đến ngày 21/07/2016

Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, 14/07/2016

(*Lưu ý: Để phục vụ kịp thời cho sản xuất ứng phó chủ động với tình hình hạn hán, kính đề nghị địa phương, các đơn vị sử dụng nếu có ý kiến, đề nghị phản hồi lại Tổng cục Thủy lợi để cập nhật trong các bản tin tiếp theo.*)

Bản tin này cũng được đăng trên địa chỉ Website : <http://www.siwr.org.vn> . Các thông tin về tình hình hạn hán, sản xuất và những yêu cầu cấp thiết khác xin gửi về Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam qua địa chỉ email: vkhtlmn@gmail.com và tncnbvmt@gmail.com ./.